

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 688 /QĐ-UBND

Nam Định, ngày 09 tháng 4 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 ngày 6 tháng 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 ngày 8 tháng 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 ngày 10 tháng 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22 ngày 3 tháng 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 946/TTr ngày 04/4/2024 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/4/2024.

Bãi bỏ Quyết định số 2537/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.

2

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Đình Nghị**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI, UBND CẤP HUYỆN**  
*(Kèm theo Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2024*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định)*

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	Sửa đổi thẩm quyền giải quyết từ Cục Đường thủy nội địa, Cục Hàng hải và Sở Giao thông vận tải	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn Sở Giao thông vận tải gửi văn bản lấy ý kiến đến Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Thời hạn Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực có văn bản trả lời: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Giao thông vận tải.</li> <li>- Thời hạn Sở Giao thông vận tải ra văn bản chấp thuận: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực, hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến.</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công, Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước;</li> <li>- Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019.</li> </ul>

2

## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Sửa đổi thẩm quyền giải quyết từ Sở Giao thông vận tải sang cấp huyện	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	Không	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ.
2	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Sửa đổi thẩm quyền giải quyết từ Sở Giao thông vận tải sang cấp huyện	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	Không	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ.
3	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	Sửa đổi thẩm quyền giải quyết từ Sở Giao thông vận tải sang cấp huyện	03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	Không	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ.
4	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Sửa đổi thẩm quyền giải quyết từ Sở Giao thông vận tải sang cấp huyện	03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	Không	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ.

3

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Sửa đổi thẩm quyền giải quyết từ Sở Giao thông vận tải sang cấp huyện	03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	Không	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ.
6	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Sửa đổi thẩm quyền giải quyết từ Sở Giao thông vận tải sang cấp huyện	02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	Không	